

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 16-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Tinh; 2. Ông Lê Thanh Hải;

- Thư ký phiên toà: Bà Lô Thị Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa:
Ông Nguyễn Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019; 17/2019/HSST-QĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019; 20/2019/HSST-QĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 và số 22/2019/HSST-QĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn H;** Sinh ngày: 24/6/1996 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Bến Ván, xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Nay là thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: Lê Văn H1 và bà Hoàng Thị T1; Tiền sự: Không, Tiền án: 01. Ngày 28/06/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 18/4/2017 bị cáo H đã chấp hành xong án phạt tù; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019 tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Bùi Văn T;** Sinh ngày: 18/08/1989 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Bến Ván, xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Nay là thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Con ông: Bùi Văn V và bà: Bùi Thị Kh; Có vợ tên là: Nguyễn Thị Hà và có 01 con nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự: Không, Tiền án:

01. Ngày 22/02/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 11 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/12/2017 bị cáo T đã chấp hành xong án phạt tù; Hiện bị cáo Bùi Văn T đang chấp hành Bản án số 109/2019/HS-ST, ngày 03/10/2019, theo Quyết định Thi hành án hình phạt tù số: 144/2019/QĐ-CA, ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tại Nhà giam giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về tội “Trộm cắp tài sản” cho đến nay, vắng mặt tại phiên tòa (Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bị hại:

1. Chị Bùi Thị Dung Ng; Địa chỉ: thôn Cát Tiến, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Q; Địa chỉ: thôn Hải Xuân, xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị D; Địa chỉ: thôn Thông Nhất, xã Luận Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 28/3/2019, anh Lê Văn Huy ở xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa có đến quán sửa xe máy của anh Lê Thanh Tùng tại địa chỉ khu phố 1, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân để mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOVO màu vàng đen BKS 36K3 – 010.92 của anh Tùng để sử dụng đi vài hôm, do quen biết nên anh Tùng đã cho Huy mượn. Đến sáng ngày 03/4/2019, Huy đang đi chiếc xe mô tô nói trên một mình ở đoạn đường thuộc địa phận khu phố 4, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân thì gặp Bùi Văn T đang đi bộ một mình. Nhìn thấy anh Huy thì T gọi anh Huy lại để mượn xe đi về nhà, do có quen biết từ trước nên anh Huy đồng ý và đưa xe cho T. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Lê Văn H, đi xe khách từ Hà Nội về đến khách sạn Như Xuân ở thôn Mỹ Ré, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân thì gọi điện cho T nhờ T đến khách sạn đón về, sau đó cả hai đi về nhà T. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T và H đi xe mô tô mà T mượn của anh Huy đến thôn Đồng Mưa, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh để chơi, được khoảng 30 phút rồi quay về. Khi đến đoạn dốc Chay thuộc địa phận thôn Cát Tiến, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân H nhìn thấy chị Bùi Thị Dung Ng đang chặn dê ở ven đường, đồng thời tay đang sử dụng điện thoại SAMSUNG J6 PLUS màu đỏ đen. Thấy vậy, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị Ng nên bảo T dừng xe để H đến nói chuyện. T dừng xe cho H xuống và điều khiển xe mô tô dừng cách chỗ chị Ng khoảng 50m theo hướng đi thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân và vặn đề xe mô tô nổ máy, còn H xuống xe đi lại chỗ chị Ng nói chuyện, được một lúc thì chị Ng đứng dậy và cất chiếc điện thoại nói trên vào túi quần phía trước để đuổi dê về. Lợi dụng sơ hở của chị Ng, H

đã giật chiếc điện thoại từ túi quần của chị Ng và bỏ chạy lại xe mô tô của T đang đứng chờ, lúc đó chị Ng đuổi theo và hô lớn “Cướp, cướp, cướp...”. Thấy vậy, T điều khiển xe mô tô tăng ga bỏ chạy. Khi đến đoạn chân dốc Chay vì biết H đã cướp giật được điện thoại nên T đã điều khiển xe đi vào đường mòn tắt sang đường Hồ Chí Minh để tránh bị truy đuổi. Trên đường đi T hỏi H “Điện thoại gì đây?” thì H đưa cho T xem chiếc điện thoại vừa cướp giật được thì T nói “Được đây”. Sau đó T và H rủ nhau sang xã Luận Thành, huyện Thường Xuân để bán chiếc điện thoại cướp giật được lấy tiền chi tiêu cá nhân. T chở H đến quán mua bán điện thoại di động Anh T ở thôn Thống Nhất, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân và bán được 2.100.000 đồng, trên đường về H đưa cho T 800.000 đồng thì T có nói “Chia đôi đi” nhưng H nói “Điện thoại là do em lấy nên em phải được nhiều hơn” và T đồng ý. T chở H về nhà T ở xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân, còn T đi xe mô tô một mình đến thị trấn Yên Cát để trả xe cho anh Huy rồi ngủ lại nhà vợ ở thôn Xuân Thịnh, xã Yên Lễ, huyện Như Xuân.

Ngày 09/4/2019 cơ quan CSĐT đã Yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc điện thoại SAMSUNG J6 PLUS màu đỏ, đen mà T và H đã cướp giật của chị Ng. Ngày 11/4/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Như Xuân kết luận chiếc điện thoại nói trên có giá trị: 3.990.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào tối ngày 04/4/2019, Bùi Văn T một mình đến huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa để đi chơi, khoảng 21 giờ cùng ngày T có vào nhà nghỉ Thành Công ở thôn Hải Xuân, xã Hải Long, huyện Như Thanh để thuê phòng nghỉ. Đến 09 giờ sáng ngày 05/4/2019, sau khi ngủ dậy T trả phòng và đi bộ tìm quán ăn sáng, đi được khoảng 200 mét theo hướng thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh thì T thấy ở cổng một nhà dân bên cạnh quán ăn sáng có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, BKS: 36M5 – 006.21, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa trên xe mà không người trông coi nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nói trên để tìm nơi tiêu thụ lấy tiền chi tiêu cá nhân. T đứng quan sát một lúc vẫn không thấy có người trông coi xe nên T đi lại gần chiếc xe vặn chìa khóa và nổ máy chạy thẳng về hướng thành phố Thanh Hóa để tìm chỗ tiêu thụ. Tuy nhiên, do chiếc xe không có giấy tờ nên T chưa bán được, T đi xe về nhà tại xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân để cất giấu tìm chỗ bán. Do lo sợ bị phát hiện và bị bắt nên T đã bắt xe khách vào thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai để trốn và liên lạc với Công an huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa để chỉ nơi cất giấu xe mô tô T trộm cắp trước đó. Sau khi vào thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai T lại tiếp tục trộm cắp xe mô tô và bị Công an thành phố Pleiku khởi tố, bắt giữ cho đến nay.

Ngày 11/4/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đã phối hợp với Ban Công an xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, BKS: 36M5 – 006.21 do Bùi Văn T trộm cắp ngày 05/4/2019 tại thôn Hải Xuân, xã Hải Long, huyện Như Thanh. Chiếc xe này là của chị Nguyễn Thị Q; Sinh năm: 1973; Trú tại: Hải Xuân, xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 11/4/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Như Thanh đã tiến hành định giá đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, BKS: 36M5 – 006.21 mà T đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị Q ngày 05/4/2019. Kết quả Hội đồng định giá tài sản huyện Như Thanh kết luận: Chiếc xe mô tô nói trên có giá trị: 16.068.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-KSĐT-TA ngày 25/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Bùi Văn T, về các tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự và “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 18 đến 24 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 04/4/2019.

Áp dụng: khoản 1 Điều 171; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 18 đến 20 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản” và từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho bị cáo Bùi Văn T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 BLHS. Hạn tù tính từ ngày 25/4/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 5 Điều 171 và khoản 5 Điều 173 BLHS làm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay có mặt bị cáo Lê Văn H không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; vắng mặt bị cáo Bùi Văn T và bị hại Nguyễn Thị Q tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng

mặt), bị hại Bùi Thị Dung Ng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra bị cáo Bùi Văn T, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn H tại phiên toà hôm nay, lời khai của bị cáo T trong các bản khai phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 17 giờ 30 ngày 03/4/2019, tại khu vực ven đường đóc Chay thuộc địa phận thôn Cát Tiến, xã Yên Lễ (nay là thôn Cát Tiến, thị trấn Yên Cát), huyện Như Xuân, Lê Văn H với sự giúp sức của Bùi Văn T đã cướp giật 01 điện thoại SAMSUNG J6 PLUS màu đỏ đen trị giá 3.990.000 đồng của chị Bùi Thị Dung Ng, sau đó cùng Bùi Văn T đem đến cửa hàng Anh T thuộc thôn Thống Nhất, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân bán được 2.100.000 đồng lấy tiền chia nhau chi tiêu cá nhân; Tiếp đó, vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 05/4/2019 tại thôn Hải Xuân, xã Hải Long, huyện Như Thanh. Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, Bùi Văn T đã trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE biển kiểm soát: 36M5 – 00621 của chị Nguyễn Thị Q ở Hải Xuân, xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa có giá trị 16.068.000 đồng. Hành vi nêu trên của Lê Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 BLHS. Các hành vi nêu trên của Bùi Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 BLHS và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Như Cáo trạng của VKS truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng:

Đây là vụ án xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, sức khỏe của con người. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hiện nay trên địa bàn huyện Như Xuân liên tục xảy ra các vụ “trộm cắp tài sản” và “cướp giật tài sản” do các đối tượng nghiện ma túy thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến sức khỏe, tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại kinh tế cho người khác, gây mất trật tự và an toàn xã hội. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để trừng trị và giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[3] Xét vai trò của từng người trong vụ án:

Trong vụ án này, đối với tội “Cướp giật tài sản”, các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công

vai trò cụ thể. Xong cũng cần xem xét các vai trò của từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt cho phù hợp. Bị cáo H là người khởi xướng và là người trực tiếp cướp giật điện thoại của chị Ng và cũng là người được chia phần nhiều hơn nên giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo T; Bị cáo T không phải là người trực tiếp cướp giật điện thoại của chị Ng nhưng T biết và giúp H thoát khỏi sự truy đuổi của chị Ng, sau đó cùng H đem tài sản đi tiêu thụ lấy tiền chia nhau chi tiêu cá nhân nên bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Lê Văn H. Vì vậy, bị cáo T giữ vai trò thứ yếu nên trách nhiệm có phần thấp hơn bị cáo H đối với tội “Cướp giật tài sản”. Tuy nhiên, trong vụ án này ngoài tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo T còn phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” xảy ra tại huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/4/2019 nên cần xem xét đến thái độ chấp hành pháp luật để lên cho bị cáo một mức án thật nghiêm minh, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo và tổng hợp hình phạt của hai tội cho bị cáo Bùi Văn T theo quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Bị cáo Lê Văn H có nhân thân xấu: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (bị cáo H đã chấp hành xong án phạt tù ngày 18/4/2017) nhưng chưa được xóa án tích nên trong vụ án này bị cáo H bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS giảm cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

Bị cáo Bùi Văn T: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 11 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (ngày 26/12/2017 bị cáo T đã chấp hành xong án phạt tù) nhưng chưa được xóa án tích nên trong vụ án này bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Mặt khác, trong vụ án này bị cáo đã phạm vào hai tội nên cần phải tổng hợp hình phạt chung của hai tội đối với bị cáo T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS. Ngoài ra, sau khi thực hiện các hành vi phạm tội nói trên, ngày 24/4/2019 bị cáo T lại tiếp tục “trộm cắp tài sản” tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 2 năm tù về hành vi phạm tội này, hiện Bản án số 109/2019/HS-ST, ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã có hiệu lực pháp luật nên cần phải tổng hợp hình phạt chung của hai Bản án đối với bị cáo Bùi Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 BLHS. Tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5]. Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Những người bị hại là chị Bùi Thị Dung Ng và chị Nguyễn Thị Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị

cáo bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị D là chủ cửa hàng điện thoại Anh T chưa yêu cầu về việc các bị cáo Lê Văn H và Bùi Văn T bồi thường về dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị D nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định và giành quyền khởi kiện về phần dân sự cho chị Lê Thị D đối với các bị cáo Lê Văn H và Bùi Văn T bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về phần vật chứng của vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SASUNG J6 PLUS, màu đỏ đen, tình trạng máy đã qua sử dụng. Chiếc điện thoại này là tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị Dung Ng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE biển kiểm soát: 36M5 - 00621, tình trạng đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Thanh đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Quy là phù hợp; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu vàng đen, biển kiểm soát: 36K3 - 01092, tình trạng đã qua sử dụng. Chiếc xe này là tài sản hợp pháp của anh Lê Thanh Tùng, khi anh Tùng và Huy cho bị cáo T mượn chiếc xe nêu trên cả anh Tùng và Huy đều không biết T sẽ sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân đã trả lại chiếc xe nêu trên cho chủ sở hữu là anh Lê Thanh Tùng là phù hợp.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Lê Văn H. Đây là số tiền do H bán chiếc điện thoại cướp giật được của chị Bùi Thị Dung Ng nên cần trả lại cho người bán là chị D.

Đối với 01 USB chứa đoạn video có thời gian 5 phút 29 giây được cắt ra từ thẻ nhớ của camera tại quán điện thoại Anh T, đoạn video ghi lại hình ảnh của Lê Văn H và Bùi Văn T tiêu thụ chiếc điện thoại cướp giật được của chị Bùi Thị Dung Ng. Đây là chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Về phần hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện gặp nhiều khó khăn và đều là các đối tượng nghiện ma túy. Vì vậy, HĐXX xét thấy không áp dụng khoản 5 Điều 171 và khoản 5 Điều 173 BLHS làm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với chị Lê Thị D đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SASUNG J6 PLUS, màu đỏ đen mà các bị cáo H và T đã cướp giật được của chị Bùi Thị Dung Ng. Do chị D không biết chiếc điện thoại này là tài sản các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân không xử lý trách nhiệm pháp lý đối với chị D là đúng quy định pháp luật.

Đối với anh Lê Văn Huy, lúc cho Bùi Văn T mượn xe mô tô thì anh Huy không biết T đi đâu và không biết việc T đã sử dụng chiếc xe mô tô để chở Lê Văn H đi cướp giật tài sản. Do đó, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Lê Văn Huy.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí; Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 18 (mười tám) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: ngày 04/4/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 171; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T, phạm các tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 36 (ba sáu) tháng tù. Tổng hợp với Bản án số 109/2019/HS-ST, ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là 2 (hai) năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2019.

Về phần hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 5 Điều 171 và khoản 5 Điều 173 BLHS làm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 Bộ luật tố tụng Hình sự. Giành quyền khởi kiện về phần dân sự cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị D đối với các bị cáo Lê Văn H và Bùi Văn T bằng một vụ án dân sự khác.

Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho chị Lê Thị D số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Lê Văn H, đây là số tiền do H bán chiếc điện thoại cướp giật được của chị Bùi Thị Dung Ng. Số tiền nêu trên hiện đang được bảo quản tại tài khoản tạm giữ số: 3949 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân tại Kho bạc nhà nước huyện Như Xuân theo biên bản giao nhận giấy ủy nhiệm chi ngày 29/7/2019 giữa Công an huyện Như Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Như Xuân; Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án 01 USB chứa đoạn video có thời gian 5 phút 29 giây được cắt ra từ thẻ nhớ của camera tại quán điện thoại Anh T, đoạn video ghi lại hình ảnh của Lê Văn H và Bùi Văn T tiêu thụ chiếc điện thoại cướp giật được của chị Bùi Thị Dung Ng.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 6, 21, 23, 36, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn H và Bùi Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Có mặt bị cáo Lê Văn H, có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án; vắng mặt bị cáo Bùi Văn T, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Như Xuân;
- Công an huyện Như Xuân;
- THA DS huyện Như Xuân;
- Bị cáo; người bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn